

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG					
1.	1.000848	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
2.	1.000836	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

PHẦN II.
NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

01. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Trình tự thực hiện

- Các hãng truyền hình nước ngoài cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào Việt Nam có thu phí bản quyền nội dung phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam để thực hiện việc đăng ký cung cấp kênh chương trình và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam.

- Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trong đó quy định rõ yêu cầu biên tập, biên dịch đối với kênh chương trình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 03/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016;

(2) Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực;

(3) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của Quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn thảo bằng tiếng nước ngoài.

(4) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) mới nhất của đại lý được ủy quyền.

(5) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản xác nhận của hãng truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);

(6) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm

theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp (đại lý).

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Bộ VH-TT-DL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

g) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 03/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

h) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận.

i) Phí, lệ phí: 3.500.000 đồng.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp một số khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi bổ sung.

**TÊN ĐẠI LÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN
TẠI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP
KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tên đơn vị đề nghị cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (viết chữ in hoa):

.....
 - Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: - Fax:
 - Email (nếu có):
 - Website (nếu có):
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ... số.....do....cấp ngày....tháng....năm.....
 - Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.....do....cấp ngày....tháng ...năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung)

2. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền Việt Nam theo các nội dung sau:

2.1. Tên kênh chương trình:
 2.2. Biểu tượng kênh chương trình:
 2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt):
 2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:
 2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/...)

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:

- 2.8. Thời gian phát sóng/ ngày:
- 2.9. Thời lượng phát sóng/ ngày:
- 2.10. Độ phân giải hình ảnh: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)
- SDTV* ☐
- HDTV* ☐
- Khác* ☐
- (Ghi rõ thông tin nếu điền "khác")
- (Đơn vị) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.
- 2.11. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh:.....
- 2.12. Vệ tinh phát:.....
- Tên vệ tinh:*.....
- Vị trí vệ tinh:*.....
- 2.13. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:
- 2.14. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)
- Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số* ☐
- Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự* ☐
- Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số* ☐
- Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV* ☐
- Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh* ☐
- Dịch vụ truyền hình di động* ☐
- Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet* ☐
- 2.15. Phạm vi được ủy quyền của đại lý theo văn bản ủy quyền: Là đại lý duy nhất/ các giới hạn ủy quyền khác (nếu có)...

3. Tài liệu kèm theo:

- (1).....
- (2).....

4. Cam kết

(Tên đại lý được ủy quyền) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (tên đại lý được ủy quyền) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền, (tên đại lý được ủy quyền) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định trong Giấy chứng nhận và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Đại diện theo pháp luật của đại lý được ủy quyền

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ VHTTDL có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ VHTTDL có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản của hãng truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi;

(2) Đối với văn bản chứng minh quyền sở hữu kênh chương trình: Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của Quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn thảo bằng tiếng nước ngoài.

(3) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp;

(4) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp (đại lý).

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

g) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu số 03/DVTHTT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016.

h) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận.

i) Phí, lệ phí: 1.750.000 đồng.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;
- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;
- *Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp một số khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch.*

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.